TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/DS-ST.
Ngày: 25-6-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chớ;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp Hội P, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1968 và bà Lê Thị X, sinh năm 1970; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Hội P, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-01-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ dì cháu nên ngày 10-10-2017, bà có cho vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị X vay số tiền 250.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ do bà X lăn tay, thỏa thuận lãi suất miệng là 1%/ tháng, mục đích vay để có vốn làm ăn, thời hạn vay 02 năm, trả vốn vào ngày 10-10-2019. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay, ông K, bà X thực hiện việc trả tiền lãi và tiền nợ vay không đúng cam kết, cụ thể về tiền lãi ông K, bà X có tháng trả, tháng không trả, tổng cộng lại thì ông K, bà X chỉ trả tiền lãi khoảng 07 tháng, về tiền nợ vay thì bà có gia hạn thời gian trả

nợ thêm 02 tháng, tức là đến ngày 10-12-2019 nhưng đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông K, bà X vẫn chưa trả tiền nợ vay cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết: Buộc ông K và bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10-10-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1%/ tháng khấu trừ 07 tháng tiền lãi ông K, bà X đã trả. Tạm tính đến ngày khởi kiện thì tiền lãi là 47.500.000 đồng, tổng cộng cả tiền vay và tiền lãi là 297.500.000 đồng.

Ngày 18-6-2020, bà có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là bà yêu cầu ông K và bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11-12-2019 đến ngày 25-6-2020 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 250.000.000 đồng X 06 tháng 14 ngày là 13.418.000 đồng, tổng cộng là 263.418.000 đồng; bà xin rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện với số tiền lãi 34.082.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bà và ông Phạm Văn K là vợ, chồng; bà Lê Thị S là dì ruột của ông K. Bà thừa nhận vợ, chồng bà có vay của bà Lê Thị S số tiền 250.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ do một mình bà lăn tay, mục đích vay để cho bà T (cô ruột của ông K) vay lại, thỏa thuận lãi suất miệng không ghi vào giấy nợ là vay 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 350.000 đồng/ tháng, tức vay 250.000.000 đồng thì tiền lãi là 8.750.000 đồng/ tháng và không thỏa thuận thời gian trả nợ.

Bà thừa nhận có lăn tay nhận nợ vay 250.000.000 đồng trong giấy nợ ngày 10-10-2017 nhưng thực tế vợ, chồng bà vay của bà S vào khoảng năm 2015, 2016 (thời gian cụ thể không nhớ) nhưng làm giấy nợ vào năm 2017, về nội dung giấy nợ, thời gian trả nợ là do bà S tự làm nội dung, bà chỉ lăn tay nhận nợ.

Đến nay thì vợ, chồng bà chưa trả tiền nợ vay cho bà S; về tiền lãi thì đã trả đầy đủ hàng tháng từ khi vay đến tháng 7-2019 thì ngưng và có trả thêm tiền lãi của 01 tháng tết nguyên đán năm 2020 nhưng khi trả tiền lãi thì không làm giấy tờ nên không có gì chứng minh. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền vay 250.000.000 đồng bằng hình thức trả hàng tháng 2.000.000 đồng. Về tiền lãi thì bà không đồng ý trả số tiền nào, lý do trước đây bà đã trả tiền lãi cho bà S rất nhiều.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Văn K nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Lê Thị S đối với ông Phạm Văn K, bà Lê Thị X. Buộc ông K và bà X có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật; Đình chỉ yêu cầu của bà S đối với ông K, bà X đối với số tiền lãi 34.082.000 đồng; về án phí: Ông K và bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị S là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; ông Phạm Văn K, bà Lê Thị X là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông K và bà X.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị S yêu cầu ông Phạm Văn K và bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11-12-2019 đến ngày 25-6-2020 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 250.000.000 đồng X 06 tháng 14 ngày là 13.418.000 đồng, tổng cộng là 263.418.000 đồng; bà xin rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện với số tiền lãi 34.082.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét về tiền nợ vay và thời gian vay: Theo chứng cứ bà S cung cấp là giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 10-10-2017, có nội dung vợ, chồng ông Phạm Văn K, bà Lê Thị X có vay của bà Lê Thị S số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để lấy vốn làm ăn, thời gian trả nợ là 02 năm, trả vốn vào ngày 10-10-2019. Bà X thừa nhận vợ, chồng bà có vay của bà S 250.000.000 đồng và bà có lăn tay nhận nợ vào giấy nợ trên. Đến nay thì vợ, chồng bà X chưa trả tiền nợ vay cho bà S. Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền vay bà X và ông K còn nợ bà S là 250.000.000 đồng nên bà S yêu cầu ông K, bà X trả số tiền vay 250.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời gian vay thì bà X cho rằng vay khoảng năm 2015, 2016 nhưng không có gì chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ bà S cung cấp xác định thời gian vay vào ngày 10-10-2017.

[2.2] Xét về tiền lãi: Bà S yêu cầu ông K và bà X trả tiền lãi từ ngày 11-12-2019 đến ngày 25-6-2020 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 250.000.000 đồng X 06 tháng 14 ngày là 13.418.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tính từ ngày làm giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 10-10-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25-

6-2020 là 32 tháng 15 ngày, bà S chỉ thừa nhận từ khi vay ngày 10-10-2017 đến nay, ông K, bà X chỉ trả tiền lãi cho bà tổng cộng 07 tháng theo mức lãi suất 1%/ tháng. Còn bà X cho rằng giữa vợ, chồng bà và bà S thỏa thuận lãi suất là vay 250.000.000 đồng thì tiền lãi là 8.750.000 đồng/ tháng, tức lãi suất là 3,5%/ tháng và vợ, chồng bà X đã trả tiền lãi từ khi vay khoảng năm 2015, 2016 đến tháng 7-2019 thì ngưng và có trả thêm tiền lãi của 01 tháng tết nguyên đán năm 2020 nhưng bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, bà S yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 11-12-2019 đến ngày 25-6-2020 là 06 tháng 14 ngày là có căn cứ. Về mức lãi suất bà S yêu cầu là 0,83%/ tháng phù hợp theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/ năm), tức là 0,83%/ tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S về việc yêu cầu ông K và bà X trả tiền lãi từ ngày 11-12-2019 đến ngày 25-6-2020 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng là 13.418.000 đồng.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến Tòa án làm việc và Tòa án không trực tiếp gặp được ông K, nên ông K không có ý kiến. Tuy nhiên, theo giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 10-10-2017 thể hiện vợ, chồng ông K, bà X vay của bà S 250.000.000 đồng, bà X cũng thừa nhận cả hai vợ, chồng bà vay của bà S số tiền trên, đồng thời khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông K cùng với bà X có nghĩa vụ trả nợ cho bà S là phù hợp.

[2.4] Bà X chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền vay 250.000.000 đồng bằng hình thức trả hàng tháng 2.000.000 đồng nhưng bà S không đồng ý và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S đối với ông K và bà X. Buộc ông K và bà X có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 13.418.000 đồng, tổng cộng là 263.418.000 đồng.

[4] Ngày 18-6-2020, bà S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền lãi 34.082.000 đồng đối với ông K và bà X, nên đình chỉ phần rút lại yêu cầu này của bà S theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K và bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phạm Văn K và bà Lê Thị X.

Buộc ông Phạm Văn K và bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S số tiền vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 13.418.000 đồng. Tổng cộng là 263.418.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười tám nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị S đối với ông Phạm Văn K và bà Lê Thị X đối với số tiền lãi là 34.082.000 đồng (ba mươi bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng). Bà Lê Thị S có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày 26-6-2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị X phải chịu 13.170.500 đồng (mười ba triệu, một trăm bảy mươi nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà S 7.437.000 đồng (bảy triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000325, ngày 03-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;